

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2022

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mai**

Bà Hoàng Thị An

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên tòa:
Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1997

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Khu 5 thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bi đơn: Anh Đỗ Đình N**, sinh năm 1992.

HKTT: Khu 5 Thụy L, Thụy L1, Đông A, Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Phú Sơn 4, Cổ Lũng, Phú Lương, Thái Nguyên. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Đỗ Đình N tự do tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội ngày 15/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh N tại xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh N và chị H không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến nhiều lần vợ chồng to tiếng xô xát, anh N mỗi lần dùng ma

túy là lại đánh chửi vợ con nên chị H phải về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ anh N nhiều lần sang nhà ông bà đe dọa tính mạng cả gia đình chị và anh đã dùng dao đâm bố mẹ chị dẫn đến bố mẹ chị phải nhập viện và hiện nay ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Nay anh N đang chấp hành án tại trại tạm giam Phú Sơn 4, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên về tội “giết người” do xâm hại đến tính mạng của bố mẹ đẻ chị H. Chị H xác định sau này vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015, hiện nay cháu Linh có sức khỏe tốt và đang ở với chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Linh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị H đang bán hàng hoa quả, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai anh Đỗ Đình N ngày 03/6/2022 tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên - Bị đơn anh N trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy L1 Đông A, Thành phố Hà Nội ngày 15/9/2017. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi lần vợ chồng xảy ra xích mích chị H lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay anh đang chấp hành án phạt tù về tội “giết người” tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên, chị H xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015, hiện nay cháu Linh đang ở với chị H. Anh nhất trí sau ly hôn giao cho chị H nuôi cháu Linh. Do anh đang chấp hành án nên anh xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi anh chấp hành án xong.

Tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do anh không tham gia được và đề nghị Tòa án xét xử cho ly hôn vắng mặt anh N.

Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2022, bố đẻ chị H là ông Lê Đỗ Bắc, sinh năm 1976, địa chỉ tại thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội trình bày:

Chị Lê Thị Thanh H là con gái ông, hiện nay chị H và con chị H là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015 đang ở và chung sống cùng gia đình ông tại ngôi nhà 03 tầng bê tông cốt thép rộng 160m² tại thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Gia đình ông đồng ý cho chị H ly hôn với anh Đỗ Đình N và nhất trí sẽ tạo điều kiện tốt nhất về kinh tế cũng như nơi ở cho mẹ con chị H tại nhà của ông. Hiện nay chị H đang bán hàng hoa quả, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ và có sự hỗ trợ của gia đình ông nên chị H có đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa:

+ Chị Lê Thị Thanh H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Đỗ Đình N vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng và kéo dài, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2019, anh N thì phạm tội “giết người” và bị xử phạt 19 năm tù, hiện nay anh N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4 tỉnh Thái Nguyên.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015, hiện nay cháu Linh có sức khỏe tốt và đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Linh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang bán hàng hoa quả, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh Đỗ Đình N hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Tòa án tuyên :

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh H đối với anh Đỗ Đình N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015. Sau khi ly hôn giao 01 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn cho đến khi chị H có yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh N không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Chị Lê Thị Thanh H có đơn xin ly hôn với anh Đỗ Đình N. Anh N có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú trước khi bị bắt tại khu 5 thôn Thụy L, xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông A, quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa: Anh N đề nghị không hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa do anh đang chấp hành án tại Trại tạm giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Do anh N đã có lời khai và ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai, việc anh N vắng mặt tại phiên tòa xét xử không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị Thanh H và anh Đỗ Đình N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy L1, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2017 ngày 15/9/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân hai năm nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh N đã phạm tội và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Nay chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, chị H xin được ly hôn với anh N. Anh N cũng xác nhận tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, nay chị H xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N là có thực, thời gian anh chị sống chung không nhiều, anh chị sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị H xin ly hôn anh N là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015, hiện nay cháu Linh đang ở với chị H. Sau ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con chung, hiện tại chị bán hàng hoa quả có thu nhập 10.000.000đồng/tháng, anh N cũng nhất trí để chị H nuôi con. Do anh N đang chấp hành án nên anh xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Linh hiện đang ở với chị H, anh N đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện và khả năng chăm sóc, cấp dưỡng nuôi con. Việc chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015 là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N hiện đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, anh N xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đến khi chấp hành án xong. Chị H cũng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Do vậy nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi chị H có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh N đều xác định không có và không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H.

Chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Đỗ Đình N.

2. Về con chung: Xác nhận chị Lê Thị Thanh H và anh Đỗ Đình N có 01 con chung là Đỗ Kiều Linh, sinh ngày 04/3/2015.

Giao cháu Đỗ Kiều Linh cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 06/2022 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đỗ Đình N cho đến khi chị Lê Thị Thanh H có yêu cầu.

Anh Đỗ Đình N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh H và anh Đỗ Đình N cùng xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0046407 ngày 19/4/2022. Xác nhận chị Lê Thị Thanh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đỗ Đình N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Đông A;
- UBND X. Thụy L1, H.Đông A, TP.Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XPÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Huyền